

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02- 2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Bà Trần Thị Đồi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1305/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Công D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L

(Bà N có mặt, ông D vắng mặt – Đã được triệu tập hợp lệ)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 11 năm 2020 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N trình bày:* Bà và ông Huỳnh Công D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 27/4/2011. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là cuộc sống vợ chồng không phù hợp, ông D không chăm lo làm ăn và không quan tâm đến đời sống của vợ con nên bà và ông D ly thân nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông Huỳnh Công D.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông D có con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 18/11/2011



Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Huỳnh Công D. Khi ly hôn, bà xin được tiếp tục nuôi con chung là cháu Minh T và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/01/2021, con chung của bà N và ông D là Huỳnh Minh T có nguyện vọng sống với bà N khi bà N và ông D ly hôn với nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông D biết về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông D không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật nhưng ông D cũng không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông D, bà xin được tiếp tục nuôi con chung là Huỳnh Minh T, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Bà Võ Thị Ngọc N xin ly hôn với ông Huỳnh Công D là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Ông Huỳnh Công D là bị đơn có địa chỉ thường trú ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Ông Huỳnh Công D vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Bà Võ Thị Ngọc N và ông Huỳnh Công D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 27/4/2011 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà N cho rằng nguyên nhân bà xin ly hôn với ông D là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông D không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, ông D không chăm lo làm ăn và không quan tâm đến đời sống vợ con nên tình cảm của bà đối với ông D không còn nữa.



Đối với ông Huỳnh Công D, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm với bà N.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống chung vợ chồng của bà N và ông D không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà N cho rằng quá trình bà và ông D chung sống với nhau có con chung là Huỳnh Minh T, sinh ngày 18/11/2011. Khi ly hôn bà xin được tiếp tục nuôi cháu Minh T và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Thấy rằng con chung là cháu Huỳnh Minh T có nguyện vọng sống với bà N khi bà N và ông D ly hôn với nhau, mặt khác từ khi bà N và ông D ly thân nhau cho đến nay cháu Minh T hiện nay do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho cháu Minh T, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Huỳnh Minh T cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với ông D không có văn bản phản hồi ý kiến về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, bà N và ông D có tranh chấp về việc nuôi con chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc N về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Công D. Bà Võ Thị Ngọc N được ly hôn với ông Huỳnh Công D.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Minh T, sinh ngày 18/11/2011 (Bà N đang nuôi dưỡng), ông Huỳnh Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006934 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà N không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(ĐÃ KÝ)*

**Nguyễn Văn Tài**